

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HDT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HDT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HDT TELECOMMUNICATION INFRASTRUCTURE SERVICE DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HDT TELECOM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400994832

3. Ngày thành lập: 06/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, Đường Nguyễn Thị Lưu 8, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0936.626.379

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà ở	4101
2.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
6.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình thủy	4291
24.	Phá dỡ	4311
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32.	Bốc xếp hàng hóa	5224
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
36.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Vận hành, khai thác mạng lưới viễn thông, tin học và truyền thông; Đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình, truyền thông đa phương tiện	6120(Chính)
39.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
40.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
41.	Hoạt động viễn thông khác	6190
42.	Lập trình máy vi tính	6201
43.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
44.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
45.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Kinh doanh hệ thống thông tin di động, dịch vụ điện thoại đi động, nhắn tin trong nước và ngoài nước	8220
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
52.	Cổng thông tin	6312
53.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
54.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
55.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
56.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	6810
57.	Quảng cáo	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
59.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
60.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG THANH TUẤN	Số 17/158 Bảo Ngọc, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	15,000	0240820149 25	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	45.000	450.000.000	15,000		
2	NGÔ SỸ CHINH	Khu phố Tam Sơn, Phường Tam Sơn, Thành phố Tứ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	0270840156 49	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ THUYẾT HỒNG	Tổ Nam Giang, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0241730199 97
			Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000	
4	TẠ VĂN DŨNG	Số 11, Đường Nguyễn Thị Lưu 8, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0240800158 50
			Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000	
5	TRẦN THỊ KIỀU ANH	2818 Vp5 Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0191840036 59
			Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

